

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2019

V/v: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm T, xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Mai Văn N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm P, xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Mai Văn N kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới, vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Mai Văn N ở xóm P, xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng diễn ra bình thường, sau khoảng một năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2015, không ăn chung, ngủ chung và chấm dứt mọi quan hệ từ thời gian đó đến nay. Nay, chị xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Mai Văn N đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án hợp lệ mà không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay anh N cũng không đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn anh Mai Văn N từ khi bị khởi kiện đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như: Nhận thông báo của Tòa án nhưng không tham gia các phiên họp khi Tòa án triệu tập và làm bản tự khai.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Mai Văn N.

+ Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích H khởi kiện xin ly hôn với anh Mai Văn N (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn: Xóm P, xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản của Tòa án hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không hợp tác, không đến Tòa án làm việc. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Mai Văn N.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 47, ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh N tại xóm P, xã Tr, thành phố

H, tỉnh Hà Tĩnh và tình cảm vợ chồng chị H anh N bình thường. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp và bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống tại xóm P, xã Tr, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, hai bên không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung vợ chồng anh N chị H không còn tồn tại. Tòa án xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh N chị H cư trú cho thấy: Vợ chồng Anh Mai Văn N chị Nguyễn Thị Bích H kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ anh N tại xóm P, xã Tr, thành phố H đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn nên chị H về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở tại xóm P, xã Tr, thành phố H sinh sống từ thời gian đó đến nay, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị Bích H ly hôn với anh Mai Văn N theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Mai Văn N không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản yêu cầu gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn anh Mai Văn N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo

biên lai thu tiền số AA/2016/0001245 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPH;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Cừ Nguyễn Văn Thanh

Bùi Minh Thư

